

Số: 625 /QĐ-UBND

Đak Pơ, ngày 23 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2017 cho các xã, thị trấn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 91/2016/TT-BTC, ngày 24/6/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2017 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của HĐND huyện Đak Pơ khóa III, kỳ họp thứ 2 Ban hành Quy định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 trên địa bàn huyện Đak Pơ;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của HĐND huyện Đak Pơ khóa III, kỳ họp thứ 2 về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định giao dự toán thu ngân sách nhà nước, dự toán chi ngân sách cho các xã, thị trấn năm 2017 *(có phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2017 được giao, UBND các xã, thị trấn trình HĐND cùng cấp quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách của địa phương mình; theo đó phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để thực hiện cải cách tiền lương năm 2017 như sau:

a) 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất);

b) 10% tiết kiệm chi thường xuyên *(trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ)*;

c) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 còn dư chuyển sang (nếu có).

Chậm nhất 5 ngày sau khi dự toán ngân sách địa phương đã được HĐND quyết định, UBND các xã, thị trấn báo cáo UBND huyện và Phòng Tài chính - Kế hoạch kết quả quyết định và phân khai dự toán ngân sách năm 2017 của địa phương mình; đồng thời, thực hiện đầy đủ chế độ công khai ngân sách theo quy định.

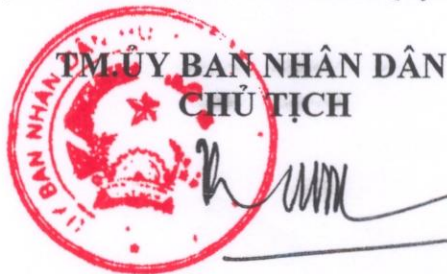
Điều 3. Giao Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch hướng dẫn cho các xã, thị trấn triển khai dự toán ngân sách năm 2017 đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *Ch*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Tài chính (báo cáo);
- TT Huyện ủy (báo cáo);
- TT HĐND huyện (báo cáo);
- Lãnh đạo UB, VP;
- Lưu VT. *GV*



Nguyễn Trường

PHỤ LỤC I

**DỰ TOÁN THU, CHI VÀ MỨC BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH XÃ HÀ TAM NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Đak Pơ)

A. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chi tiêu	Số giao tại địa bàn	Số được điều tiết	Ghi chú
	TỔNG THU NS	1.501.000	506.400	
I	Thu cân đối	1.501.000	506.400	
1	Thu ngoài quốc doanh	935.000	245.000	
1.1	Thuế GTGT	910.000	245.000	
	- DN ngoài QĐ	560.000	0	
	- Hộ KD cá thể	350.000	245.000	
1.2	Thuế TNDN	25.000	0	
	- DN ngoài QĐ	25.000	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
1.3	Thuế tài nguyên	0	0	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
1.4	Thu khác ngoài quốc doanh	0	0	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
2	Lệ phí trước bạ	260.000	7.000	
*	Nhà , đất	10.000	7.000	
*	Tài sản khác	250.000	0	
3	Thuế thu nhập cá nhân	146.000	102.200	
*	Thu từ cá nhân kinh doanh	60.000	42.000	
*	Thu từ tiền lương, tiền công	6.000	4.200	
*	Thu từ chuyển quyền SD đất	80.000	56.000	
4	Thuế sd đất phi nông nghiệp	4.000	3.200	
5	Phí , lệ phí	49.000	42.000	
	- Huyện quản lý	7.000	0	
	- Xã quản lý	42.000	42.000	
6	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	0	0	
7	Thu khác, phạt các loại	90.000	90.000	
8	Phạt trật tự ATGT	17.000	17.000	
II	Thu thông qua ngân sách	0	0	

Chú

B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

STT	Chi tiêu	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	4.151.040	
I	Chi thường xuyên	4.074.740	
1	Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	3.574.550	
2	Sự nghiệp y tế	43.560	
3	Sự nghiệp Giáo dục	25.000	
4	Sự nghiệp Văn hoá thông tin	20.000	
5	Sự nghiệp Thể dục thể thao	25.000	
6	Sự nghiệp Môi trường	20.000	
7	Đảm bảo xã hội	44.000	
8	Quốc phòng - An ninh	268.000	
9	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	18.630	
10	Chi khác	19.000	
11	Chi đảm bảo ATGT	17.000	
II	Chi thông qua ngân sách	0	
III	Dự phòng ngân sách	76.300	

Mức phân bổ chi ngân sách cho cấp xã, thị trấn chỉ mang tính chất tạo nguồn cho ngân sách cấp xã. Căn cứ tổng nguồn được phân bổ, UBND xã phân bổ cụ thể cho từng lĩnh vực chi để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được phân cấp trình HĐND xã quyết định. Đối với các khoản chi sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp môi trường không được chi thấp hơn so với huyện giao

C. BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN

	Thu bổ sung từ NS huyện	3.644.640	Ghi chú
1	Bổ sung cân đối	3.400.160	
2	Bổ sung có mục tiêu	244.480	
a	Bổ sung KP hoạt động khu dân cư, xã vùng khó khăn	30.000	4tr/thôn, xã: 6tr
b	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	18.630	
c	Hỗ trợ KP hoạt động của chi hội ở xã ĐBK	0	
d	Huấn luyện dân quân năm thứ nhất	30.000	
e	Hỗ trợ KP tiêu đội dân quân thường trực	0	
f	Hỗ trợ KP hoạt động công tác Đảng theo Quyết định 99-QĐ/TW	45.850	
g	KP hỗ trợ cán bộ huyện tăng cường	12.000	
h	Hỗ trợ KP mua sắm bàn ghế hội trường	0	
i	Hỗ trợ thành viên Tổ tự quản ATGT	108.000	



PHỤ LỤC II

**DỰ TOÁN THU, CHI VÀ MỨC BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH XÃ AN THÀNH NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Đắk Pơ)

A. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Số giao tại địa bản	Số được điều tiết	Ghi chú
	TỔNG THU NS	508.000	269.000	
I	Thu cân đối	508.000	269.000	
1	Thu ngoài quốc doanh	225.000	105.000	
1.1	Thuế GTGT	210.000	105.000	
	- DN ngoài QĐ	60.000	0	
	- Hộ KD cá thể	150.000	105.000	
1.2	Thuế TNDN	15.000	0	
	- DN ngoài QĐ	15.000	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
1.3	Thuế tài nguyên	0	0	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
1.4	Thu khác ngoài quốc doanh	0	0	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
2	Lệ phí trước bạ	100.000	3.500	
*	Nhà, đất	5.000	3.500	
*	Tài sản khác	95.000	0	
3	Thuế thu nhập cá nhân	71.000	49.700	
*	Thu từ cá nhân kinh doanh	30.000	21.000	
*	Thu từ tiền lương, tiền công	1.000	700	
*	Thu từ chuyển quyền SD đất	40.000	28.000	
4	Thuế sd đất phi nông nghiệp	1.000	800	
5	Phí, lệ phí	24.000	23.000	
	- Huyện quản lý	1.000	0	
	- Xã quản lý	23.000	23.000	
6	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	0	0	
7	Thu khác, phạt các loại	80.000	80.000	
8	Phạt trật tự ATGT	7.000	7.000	
II	Thu thông qua ngân sách	0	0	

chl

B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	4.305.400	
I	Chi thường xuyên	4.229.000	
1	Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	3.572.500	
2	Sự nghiệp y tế	36.300	
3	Sự nghiệp Giáo dục	40.000	
4	Sự nghiệp Văn hoá thông tin	18.000	
5	Sự nghiệp Thể dục thể thao	23.000	
6	Sự nghiệp Môi trường	18.000	
7	Đảm bảo xã hội	40.000	
8	Quốc phòng - An ninh	455.100	
9	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	0	
10	Chi khác	19.100	
11	Chi đảm bảo ATGT	7.000	
II	Chi thông qua ngân sách	0	
III	Dự phòng ngân sách	76.400	

Mức phân bổ chi ngân sách cho cấp xã, thị trấn chỉ mang tính chất tạo nguồn cho ngân sách cấp xã. Căn cứ tổng nguồn được phân bổ, UBND xã phân bổ cụ thể cho từng lĩnh vực chi để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được phân cấp trình HĐND xã quyết định. Đối với các khoản chi sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp môi trường không được chi thấp hơn so với huyện giao

C. BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN

	Thu bổ sung từ NS huyện	4.036.400	Ghi chú
1	Bổ sung cân đối	3.633.100	
2	Bổ sung có mục tiêu	403.300	
a	Bổ sung KP hoạt động khu dân cư, xã vùng khó khăn	26.000	4tr/thôn, xã: 6tr
b	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	0	
c	Hỗ trợ KP hoạt động của chi hội ở xã ĐBK	0	
d	Huấn luyện dân quân năm thứ nhất	45.000	
e	Hỗ trợ KP tiểu đội dân quân thường trực	263.000	
f	Hỗ trợ KP hoạt động công tác Đảng theo Quyết định 99-QĐ/TW	42.900	
g	KP hỗ trợ cán bộ huyện tăng cường	12.000	
h	Hỗ trợ KP mua sắm bàn ghế hội trường	0	
i	Hỗ trợ thành viên Tổ tự quản ATGT	14.400	

PHỤ LỤC III



**DỰ TOÁN THU, CHI VÀ MỨC BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH THỊ TRẤN ĐẮK PƠ NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Đắk Pơ)

A. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Số giao tại địa bàn	Số được điều tiết	Ghi chú
	TỔNG THU NS	3.278.000	1.132.800	
I	Thu cân đối	3.278.000	1.132.800	
1	Thu ngoài quốc doanh	1.667.000	449.500	
1.1	Thuế GTGT	1.635.000	442.500	
	- DN ngoài QĐ	750.000	0	
	- Hộ KD cá thể	885.000	442.500	
1.2	Thuế TNDN	25.000	0	
	- DN ngoài QĐ	25.000	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
1.3	Thuế tài nguyên	7.000	7.000	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	7.000	7.000	
1.4	Thu khác ngoài quốc doanh	0	0	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
2	Lệ phí trước bạ	750.000	35.000	
*	Nhà , đất	50.000	35.000	
*	Tài sản khác	700.000	0	
3	Thuế thu nhập cá nhân	541.000	378.700	
*	Thu từ cá nhân kinh doanh	260.000	182.000	
*	Thu từ tiền lương, tiền công	11.000	7.700	
*	Thu từ chuyển quyền SD đất	270.000	189.000	
4	Thuế sd đất phi nông nghiệp	7.000	5.600	
5	Phí , lệ phí	106.000	97.000	
	- Huyện quản lý	9.000	0	
	- Xã quản lý	97.000	97.000	
6	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	40.000	0	
7	Thu khác , phạt các loại	150.000	150.000	
8	Phạt trật tự ATGT	17.000	17.000	
II	Thu thông qua ngân sách	0	0	

Chú

B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	4.732.280	
I	Chi thường xuyên	4.647.280	
1	Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	4.054.900	
2	Sự nghiệp y tế	58.080	
3	Sự nghiệp Giáo dục	25.000	
4	Sự nghiệp Văn hoá thông tin	21.000	
5	Sự nghiệp Thể dục thể thao	26.000	
6	Sự nghiệp Môi trường	21.000	
7	Đảm bảo xã hội	47.000	
8	Quốc phòng - An ninh	356.300	
9	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	0	
10	Chi khác	21.000	
11	Chi đảm bảo ATGT	17.000	
II	Chi thông qua ngân sách	0	
1	Chi thông qua ngân sách khác	0	
2	Công tác quản lý bảo vệ rừng	0	
III	Dự phòng ngân sách	85.000	

Mức phân bổ chi ngân sách cho cấp xã, thị trấn chỉ mang tính chất tạo nguồn cho ngân sách cấp xã. Căn cứ tổng nguồn được phân bổ, UBND xã phân bổ cụ thể cho từng lĩnh vực chi để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được phân cấp trình HĐND xã quyết định. Đối với các khoản chi sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp môi trường không được chi thấp hơn so với huyện giao

C. BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN

	Thu bổ sung từ NS huyện	3.599.480	Ghi chú
1	Bổ sung cân đối	3.221.680	
2	Bổ sung có mục tiêu	377.800	
a	Bổ sung KP hoạt động khu dân cư, xã vùng khó khăn	38.000	4tr/thôn, xã: 6tr
b	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	0	
c	Hỗ trợ KP hoạt động của chi hội ở xã ĐBK	0	
d	Huấn luyện dân quân năm thứ nhất	90.000	
e	Hỗ trợ KP tiểu đội dân quân thường trực	0	
f	Hỗ trợ KP hoạt động công tác Đảng theo Quyết định 99-QĐ/TW	79.800	
g	KP hỗ trợ cán bộ huyện tăng cường	12.000	
h	Hỗ trợ KP mua sắm bàn ghế hội trường	50.000	
i	Hỗ trợ thành viên Tổ tự quản ATGT	108.000	

PHỤ LỤC IV

**DỰ TOÁN THU, CHI VÀ MỨC BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH XÃ TÂN AN NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Đắk Pơ)

A. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chi tiêu	Số giao tại địa bàn	Số được điều tiết	Ghi chú
	TỔNG THU NS	3.593.000	1.177.000	
I	Thu cân đối	3.593.000	1.177.000	
1	Thu ngoài quốc doanh	1.917.000	532.000	
1.1	Thuế GTGT	1.800.000	525.000	
	- DN ngoài QĐ	1.050.000	0	
	- Hộ KD cá thể	750.000	525.000	
1.2	Thuế TNDN	70.000	0	
	- DN ngoài QĐ	70.000	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
1.3	Thuế tài nguyên	47.000	7.000	
	- DN ngoài QĐ	40.000	0	
	- Hộ KD cá thể	7.000	7.000	
1.4	Thu khác ngoài quốc doanh	0	0	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
2	Lệ phí trước bạ	870.000	49.000	
*	Nhà, đất	70.000	49.000	
*	Tài sản khác	800.000	0	
3	Thuế thu nhập cá nhân	462.000	323.400	
*	Thu từ cá nhân kinh doanh	200.000	140.000	
*	Thu từ tiền lương, tiền công	12.000	8.400	
*	Thu từ chuyển quyền SD đất	250.000	175.000	
4	Thuế sd đất phi nông nghiệp	7.000	5.600	
5	Phí, lệ phí	110.000	90.000	
	- Huyện quản lý	20.000	0	
	- Xã quản lý	90.000	90.000	
6	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	50.000	0	
7	Thu khác, phạt các loại	160.000	160.000	
8	Phạt trật tự ATGT	17.000	17.000	
II	Thu thông qua ngân sách	0	0	

Chú

B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	5.070.290	
I	Chi thường xuyên	4.974.990	
1	Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	4.370.950	
2	Sự nghiệp y tế	56.640	
3	Sự nghiệp Giáo dục	25.000	
4	Sự nghiệp Văn hoá thông tin	21.000	
5	Sự nghiệp Thể dục thể thao	26.000	
6	Sự nghiệp Môi trường	21.000	
7	Đảm bảo xã hội	72.000	
8	Quốc phòng - An ninh	341.800	
9	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	0	
10	Chi khác	23.600	
11	Chi đảm bảo ATGT	17.000	
II	Chi thông qua ngân sách	0	
1	Chi thông qua ngân sách khác	0	
2	Công tác quản lý bảo vệ rừng	0	
III	Dự phòng ngân sách	95.300	

Mức phân bổ chi ngân sách cho cấp xã, thị trấn chỉ mang tính chất tạo nguồn cho ngân sách cấp xã. Căn cứ tổng nguồn được phân bổ, UBND xã phân bổ cụ thể cho từng lĩnh vực chi để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được phân cấp trình HĐND xã quyết định. Đối với các khoản chi sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp môi trường không được chi thấp hơn so với huyện giao

C. BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN

	Thu bổ sung từ NS huyện	3.893.290	Ghi chú
1	Bổ sung cân đối	3.699.540	
2	Bổ sung có mục tiêu	193.750	
a	Bổ sung KP hoạt động khu dân cư, xã vùng khó khăn	52.000	4 tr/thôn
b	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	0	
c	Hỗ trợ KP hoạt động của chi hội ở xã ĐBK	0	
d	Huấn luyện dân quân năm thứ nhất	32.100	
e	Hỗ trợ KP tiểu đội dân quân thường trực	0	
f	Hỗ trợ KP hoạt động công tác Đảng theo Quyết định 99-QĐ/TW	1.650	
g	KP hỗ trợ cán bộ huyện tăng cường	0	
h	Hỗ trợ KP mua sắm bàn ghế hội trường	0	
i	Hỗ trợ thành viên Tổ tự quản ATGT	108.000	



PHỤ LỤC V

DỰ TOÁN THU, CHI VÀ MỨC BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN

CHO NGÂN SÁCH XÃ CƯ AN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 625 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Đắk Pô)

A. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Số giao tại địa bàn	Số được điều tiết	Ghi chú
	TỔNG THU NS	3.559.000	1.230.100	
I	Thu cân đối	3.559.000	1.230.100	
1	Thu ngoài quốc doanh	1.875.000	509.000	
1.1	Thuế GTGT	1.740.000	504.000	
	- DN ngoài QĐ	1.020.000	0	
	- Hộ KD cá thể	720.000	504.000	
1.2	Thuế TNDN	70.000	0	
	- DN ngoài QĐ	70.000	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
1.3	Thuế tài nguyên	65.000	5.000	
	- DN ngoài QĐ	60.000	0	
	- Hộ KD cá thể	5.000	5.000	
1.4	Thu khác ngoài quốc doanh	0	0	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
2	Lệ phí trước bạ	770.000	49.000	
*	Nhà , đất	70.000	49.000	
*	Tài sản khác	700.000	0	
3	Thuế thu nhập cá nhân	565.000	395.500	
*	Thu từ cá nhân kinh doanh	350.000	245.000	
*	Thu từ tiền lương, tiền công	15.000	10.500	
*	Thu từ chuyển quyền SD đất	200.000	140.000	
4	Thuế sd đất phi nông nghiệp	7.000	5.600	
5	Phí , lệ phí	135.000	94.000	
	- Huyện quản lý	41.000	0	
	- Xã quản lý	94.000	94.000	
6	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	30.000	0	
7	Thu khác, phạt các loại	160.000	160.000	
8	Phạt trật tự ATGT	17.000	17.000	
II	Thu thông qua ngân sách	0	0	

Chú

B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	4.917.160	
I	Chi thường xuyên	4.826.260	
1	Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	4.262.100	
2	Sự nghiệp y tế	43.560	
3	Sự nghiệp Giáo dục	25.000	
4	Sự nghiệp Văn hoá thông tin	18.000	
5	Sự nghiệp Thể dục thể thao	23.000	
6	Sự nghiệp Môi trường	18.000	
7	Đảm bảo xã hội	54.000	
8	Quốc phòng - An ninh	343.000	
9	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	0	
10	Chi khác	22.600	
11	Chi đảm bảo ATGT	17.000	
II	Chi thông qua ngân sách	0	
III	Dự phòng ngân sách	90.900	

Mức phân bổ chi ngân sách cho cấp xã, thị trấn chỉ mang tính chất tạo nguồn cho ngân sách cấp xã. Căn cứ tổng nguồn được phân bổ, UBND xã phân bổ cụ thể cho từng lĩnh vực chi để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được phân cấp trình HĐND xã quyết định. Đối với các khoản chi sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp môi trường không được chi thấp hơn so với huyện giao

C. BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN

	Thu bổ sung từ NS huyện	3.687.060	Ghi chú
1	Bổ sung cân đối	3.423.560	
2	Bổ sung có mục tiêu	263.500	
a	Bổ sung KP hoạt động khu dân cư, xã vùng khó khăn	40.000	4tr/thôn
b	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	0	
c	Hỗ trợ KP hoạt động của chi hội ở xã ĐBK	0	
d	Huấn luyện dân quân năm thứ nhất	53.500	
e	Hỗ trợ KP tiểu đội dân quân thường trực	0	
f	Hỗ trợ KP hoạt động công tác Đảng theo Quyết định 99-QĐ/TW	0	
g	KP hỗ trợ cán bộ huyện tăng cường	12.000	
h	Hỗ trợ KP mua sắm bàn ghế hội trường	50.000	
i	Hỗ trợ thành viên Tổ tự quản ATGT	108.000	



PHỤ LỤC VI

**DỰ TOÁN THU, CHI VÀ MỨC BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH XÃ PHÚ AN NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 625 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Đak Pơ)

A. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Số giao tại địa bản	Số được điều tiết	Ghi chú
	TỔNG THU NS	3.015.000	480.600	
I	Thu cân đối	3.015.000	480.600	
1	Thu ngoài quốc doanh	2.480.000	270.000	
1.1	Thuế GTGT	2.350.000	245.000	
	- DN ngoài QĐ	2.000.000	0	
	- Hộ KD cá thể	350.000	245.000	
1.2	Thuế TNDN	65.000	0	
	- DN ngoài QĐ	65.000	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
1.3	Thuế tài nguyên	65.000	25.000	
	- DN ngoài QĐ	40.000	0	
	- Hộ KD cá thể	25.000	25.000	
1.4	Thu khác ngoài quốc doanh	0	0	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
2	Lệ phí trước bạ	250.000	14.000	
*	Nhà , đất	20.000	14.000	
*	Tài sản khác	230.000	0	
3	Thuế thu nhập cá nhân	142.000	99.400	
*	Thu từ cá nhân kinh doanh	70.000	49.000	
*	Thu từ tiền lương, tiền công	12.000	8.400	
*	Thu từ chuyển quyền SD đất	60.000	42.000	
4	Thuế sd đất phi nông nghiệp	4.000	3.200	
5	Phí , lệ phí	44.000	29.000	
	- Huyện quản lý	15.000	0	
	- Xã quản lý	29.000	29.000	
6	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	30.000	0	
7	Thu khác, phạt các loại	50.000	50.000	
8	Phạt trật tự ATGT	15.000	15.000	
II	Thu thông qua ngân sách	0	0	

B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

STT	Chi tiêu	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	4.119.560	
I	Chi thường xuyên	4.043.560	
1	Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	3.561.300	
2	Sự nghiệp y tế	43.560	
3	Sự nghiệp Giáo dục	25.000	
4	Sự nghiệp Văn hoá thông tin	21.000	
5	Sự nghiệp Thể dục thể thao	26.000	
6	Sự nghiệp Môi trường	21.000	
7	Đảm bảo xã hội	46.700	
8	Quốc phòng - An ninh	265.000	
9	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	0	
10	Chi khác	19.000	
11	Chi đảm bảo ATGT	15.000	
II	Chi thông qua ngân sách	0	
III	Dự phòng ngân sách	76.000	

Mức phân bổ chi ngân sách cho cấp xã, thị trấn chỉ mang tính chất tạo nguồn cho ngân sách cấp xã. Căn cứ tổng nguồn được phân bổ, UBND xã phân bổ cụ thể cho từng lĩnh vực chi để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được phân cấp trình HĐND xã quyết định. Đối với các khoản chi sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp môi trường không được chi thấp hơn so với huyện giao

C. BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN

	Thu bổ sung từ NS huyện	3.638.960	Ghi chú
1	Bổ sung cân đối	3.412.060	
2	Bổ sung có mục tiêu	226.900	
a	Bổ sung KP hoạt động khu dân cư, xã vùng khó khăn	30.000	4tr/thôn, xã: 6tr
b	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	0	
c	Hỗ trợ KP hoạt động của chi hội ở xã ĐBK	0	
d	Huấn luyện dân quân năm thứ nhất	30.000	
e	Hỗ trợ KP tiểu đội dân quân thường trực	0	
f	Hỗ trợ KP hoạt động công tác Đảng theo Quyết định 99-QĐ/TW	46.900	
g	KP hỗ trợ cán bộ huyện tăng cường	12.000	
h	Hỗ trợ KP mua sắm bàn ghế hội trường	0	
i	Hỗ trợ thành viên Tổ tự quản ATGT	108.000	

Chú



PHỤ LỤC VII

**DỰ TOÁN THU, CHI VÀ MỨC BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH XÃ YANG BẮC NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Đắk Pơ)

A. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Số giao tại địa bàn	Số được điều tiết	Ghi chú
	TỔNG THU NS	329.000	158.400	
I	Thu cân đối	329.000	158.400	
1	Thu ngoài quốc doanh	136.000	51.000	
1.1	Thuế GTGT	80.000	35.000	
	- DN ngoài QĐ	30.000	0	
	- Hộ KD cá thể	50.000	35.000	
1.2	Thuế TNDN	0	0	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
1.3	Thuế tài nguyên	56.000	16.000	
	- DN ngoài QĐ	40.000	0	
	- Hộ KD cá thể	16.000	16.000	
1.4	Thu khác ngoài quốc doanh	0	0	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
2	Lệ phí trước bạ	60.000	3.500	
*	Nhà , đất	5.000	3.500	
*	Tài sản khác	55.000	0	
3	Thuế thu nhập cá nhân	97.000	67.900	
*	Thu từ cá nhân kinh doanh	15.000	10.500	
*	Thu từ tiền lương, tiền công	2.000	1.400	
*	Thu từ chuyển quyền SD đất	80.000	56.000	
4	Thuế sd đất phi nông nghiệp	0	0	
5	Phí , lệ phí	20.000	20.000	
	- Huyện quản lý	0	0	
	- Xã quản lý	20.000	20.000	
6	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	0	0	
7	Thu khác, phạt các loại	8.000	8.000	
8	Phạt trật tự ATGT	8.000	8.000	
II	Thu thông qua ngân sách	0	0	

chl

B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

STT	Chi tiêu	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	5.813.670	
I	Chi thường xuyên	5.705.170	
1	Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	5.163.700	
2	Sự nghiệp y tế	108.900	
3	Sự nghiệp Giáo dục	40.000	
4	Sự nghiệp Văn hoá thông tin	22.000	
5	Sự nghiệp Thể dục thể thao	27.000	
6	Sự nghiệp Môi trường	22.000	
7	Đảm bảo xã hội	45.200	
8	Quốc phòng - An ninh	238.100	
9	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	3.270	
10	Chi khác	27.000	
11	Chi đảm bảo ATGT	8.000	
II	Chi thông qua ngân sách	0	
III	Dự phòng ngân sách	108.500	

Mức phân bổ chi ngân sách cho cấp xã, thị trấn chỉ mang tính chất tạo nguồn cho ngân sách cấp xã. Căn cứ tổng nguồn được phân bổ, UBND xã phân bổ cụ thể cho từng lĩnh vực chi để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được phân cấp trình HĐND xã quyết định. Đối với các khoản chi sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp môi trường không được chi thấp hơn so với huyện giao

C. BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN

	Thu bổ sung từ NS huyện	5.655.270	Ghi chú
1	Bổ sung cân đối	5.387.200	
2	Bổ sung có mục tiêu	268.070	
a	Bổ sung KP hoạt động khu dân cư, xã vùng khó khăn	66.000	4tr/thôn, xã: 6tr
b	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	3.270	
c	Hỗ trợ KP hoạt động của chi hội ở xã ĐBKK	75.000	
d	Huấn luyện dân quân năm thứ nhất	19.300	
e	Hỗ trợ KP tiểu đội dân quân thường trực	0	
f	Hỗ trợ KP hoạt động công tác Đảng theo Quyết định 99-QĐ/TW	81.700	
g	KP hỗ trợ cán bộ huyện tăng cường	12.000	
h	Hỗ trợ KP mua sắm bàn ghế hội trường	0	
i	Hỗ trợ thành viên Tổ tự quản ATGT	10.800	



PHỤ LỤC VIII

**DỰ TOÁN THU, CHI VÀ MỨC BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH XÃ YA HỘI NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 625 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Đắk Pơ)

A. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Số giao tại địa bản	Số được điều tiết	Ghi chú
	TỔNG THU NS	113.000	62.100	
I	Thu cân đối	113.000	62.100	
1	Thu ngoài quốc doanh	15.000	10.500	
1.1	Thuế GTGT	15.000	10.500	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	15.000	10.500	
1.2	Thuế TNDN	0	0	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
1.3	Thuế tài nguyên	0	0	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
1.4	Thu khác ngoài quốc doanh	0	0	
	- DN ngoài QĐ	0	0	
	- Hộ KD cá thể	0	0	
2	Lệ phí trước bạ	40.000	1.400	
*	Nhà , đất	2.000	1.400	
*	Tài sản khác	38.000	0	
3	Thuế thu nhập cá nhân	26.000	18.200	
*	Thu từ cá nhân kinh doanh	4.000	2.800	
*	Thu từ tiền lương, tiền công	2.000	1.400	
*	Thu từ chuyển quyền SD đất	20.000	14.000	
4	Thuế sd đất phi nông nghiệp	0	0	
5	Phí , lệ phí	10.000	10.000	
	- Huyện quản lý	0	0	
	- Xã quản lý	10.000	10.000	
6	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	0	0	
7	Thu khác, phạt các loại	20.000	20.000	
8	Phạt trật tự ATGT	2.000	2.000	
II	Thu thông qua ngân sách	0	0	

Chú

B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	5.064.700	
I	Chi thường xuyên	4.969.700	
1	Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	4.450.700	
2	Sự nghiệp y tế	72.600	
3	Sự nghiệp Giáo dục	40.000	
4	Sự nghiệp Văn hoá thông tin	19.000	
5	Sự nghiệp Thể dục thể thao	24.000	
6	Sự nghiệp Môi trường	19.000	
7	Đảm bảo xã hội	39.200	
8	Quốc phòng - An ninh	269.600	
9	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	10.100	
10	Chi khác	23.500	
11	Chi đảm bảo ATGT	2.000	
II	Chi thông qua ngân sách	0	
III	Dự phòng ngân sách	95.000	

Mức phân bổ chi ngân sách cho cấp xã, thị trấn chỉ mang tính chất tạo nguồn cho ngân sách cấp xã. Căn cứ tổng nguồn được phân bổ, UBND xã phân bổ cụ thể cho từng lĩnh vực chi để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được phân cấp trình HĐND xã quyết định. Đối với các khoản chi sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp môi trường không được chi thấp hơn so với huyện giao

C. BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN

	Thu bổ sung từ NS huyện	5.002.600	Ghi chú
1	Bổ sung cân đối	4.783.900	
2	Bổ sung có mục tiêu	218.700	
a	Bổ sung KP hoạt động khu dân cư, xã vùng khó khăn	46.000	4tr/thôn, xã: 6tr
b	KP tăng cường công tác bảo vệ rừng nằm ngoài lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng	10.100	
c	Hỗ trợ KP hoạt động của chi hội ở xã ĐBKK	50.000	
d	Huấn luyện dân quân năm thứ nhất	40.600	
e	Hỗ trợ KP tiểu đội dân quân thường trực	0	
f	Hỗ trợ KP hoạt động công tác Đảng theo Quyết định 99-QĐ/TW	61.200	
g	KP hỗ trợ cán bộ huyện tăng cường	0	
h	Hỗ trợ KP mua sắm bàn ghế hội trường	0	
i	Hỗ trợ thành viên Tổ tự quản ATGT	10.800	